

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG PHÚ THỌ**

Số: *78* /CV-XMPT

V/v: Giải trình chênh lệch LNST
năm 2019, điều chỉnh hồi tố BCTC
năm 2018 và giải trình ý kiến ngoại
trừ của kiểm toán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Ba, ngày 28 tháng 03 năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước.

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty CP xi măng Phú Thọ xin giải trình LNST lỗ; có sự chênh lệch kỳ này và kỳ trước; có sự điều chỉnh hồi tố đối với BCTC năm 2018 và các ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên trong của Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo Văn phòng Công ty năm 2019(sau soát xét) như sau:

I. Báo cáo tài chính tổng hợp:

1. Giải trình điều chỉnh hồi tố BCTC năm 2018:

Chỉ tiêu	Năm 2018 (điều chỉnh)	Năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	250.919	250.919	-	-
Các khoản giảm trừ	3.025	3.025	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	247.894	247.894	-	-
Giá vốn hàng bán	232.147	223.895	8.252	3,69
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	15.747	23.999	(8.252)	(34,38)
Doanh thu hoạt động tài chính	7	7	-	-
Chi phí tài chính	29.118	26.349	2.770	10,51
Chi phí bán hàng	7.864	7.864	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.057	14.057	-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(35.285)	(24.263)	(11.021)	45,42
Thu nhập khác	46	46	-	-
Chi phí khác	277	277	-	-
Lợi nhuận khác	(231)	(231)	-	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(35.515)	(24.494)	(11.021)	45,00
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(35.515)	(24.494)	(11.021)	45,00

- Sau khi kiểm toán BCTC 2019, Công ty đã trích bổ sung phần giá trị khấu hao của Dây chuyền sản xuất Clinker công suất tối đa 1.200 tấn/ ngày (sau khi quyết toán hoàn thành trong năm 2019) vào giá vốn là: 8.252 triệu đồng. Tiến hành điều chỉnh hồi tố chi phí lỗ do đánh giá lại tỷ giá các khoản nợ có gốc ngoại tệ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 là: 2.770 triệu đồng.

- Vì vậy, lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 điều chỉnh tăng lỗ: 11.021 triệu đồng so với báo cáo Tài chính năm 2018.

2. Giải trình LNST lỗ và chênh lệch năm 2019-2018:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018 (đã điều chỉnh)	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	225.418	250.919	(25.500)	(10,16)
Các khoản giảm trừ	2.413,36	3.025	(611)	(20,22)
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	223.005	247.894	(24.889)	(10,04)
Giá vốn hàng bán	235.833	232.147	3.686	1,59
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	(12.828)	15.747	(28.575)	(181,47)
Doanh thu hoạt động tài chính	131,0	7	124	1.732,73
Chi phí tài chính	28.888,2	29.118	(230)	(0,79)
Chi phí bán hàng	5.472	7.864	(2.391)	(30,41)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.961	14.057	(1.095)	(7,79)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(60.019)	(35.285)	(24.734)	70,10
Thu nhập khác	27	46	(19)	(42,09)
Chi phí khác	4.756	277	4.479	1.618,79
Lợi nhuận khác	(4.729)	(231)	(4.498)	1.950,07
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(64.748)	(35.515)	(29.233)	82,31
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(64.748)	(35.515)	(29.233)	82,31

Lợi nhuận sau thuế năm 2019 của Công ty lỗ 64.748 triệu đồng tăng lỗ 29.233 triệu đồng so với năm 2018 (lỗ 35.515 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Do dừng lò để sửa chữa nên dây truyền sản xuất không liên tục (dừng 47 lần với tổng thời gian gần 193 ngày/365 ngày theo lịch bằng 52,99%); do thiếu nguyên liệu vì chưa giải phóng xong mặt bằng mỏ đá, công suất dây truyền chỉ đạt 51,88 %.

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ năm 2019 là: 225.418 triệu đồng giảm so với năm 2018 (250.919 triệu đồng) là: 10,16% tương ứng với 25.500 triệu đồng. Sản lượng tiêu thụ của năm 2019 là: 245.037,77 tấn xi măng giảm so với năm 2018 (272.337,53 tấn) là: 10,02 % .Giá vốn hàng bán tăng từ 232.147 triệu đồng của

năm 2018 lên 235.833 triệu đồng năm 2019(tăng 1,59 % tương ứng tăng 3.686 triệu đồng). Giá vốn tăng là do trong năm 2019 giá điện tăng 8,3% so với giá điện năm 2018; giá than bình quân tăng từ 358.167 đồng/ tấn Clinker tại năm 2018 lên 405.503 đồng/ tấn Clinker vào năm 2019 (do Tập đoàn than tăng giá). Từ hai yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của năm 2019 giảm 28.575 triệu đồng.

+ Chi phí bán hàng của năm 2019 là: 5.472 triệu đồng giảm 30,41% tương đương 2.391 triệu đồng so với năm 2018(7.864 triệu đồng). Chi phí quản lý doanh nghiệp của năm 2019 (12.961 triệu đồng) giảm 1.095 triệu đồng so với năm 2018 (14.057 triệu đồng). Chi phí tài chính tăng 230 triệu đồng. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2019 giảm so với năm 2018 là: 24.734 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác giảm 4.498 triệu đồng , làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2019 giảm 29.233 triệu đồng so với năm 2018.

3. Giải trình về các ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên:

* Chúng tôi đã ghi chép và công bố một cách phù hợp tất cả các khoản nợ phải trả đã phát sinh, tất cả các khoản nợ tiềm tàng và các đảm bảo mà chúng tôi thực hiện với các bên thứ ba.

* Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập đầy đủ cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ mức tổn thất có thể xảy ra theo thời gian quá hạn nợ và đánh giá, ước tính của Ban Tổng giám đốc. Đối với các khoản công nợ đã quá hạn thanh toán, chúng tôi đang tích cực thực hiện các biện pháp thu hồi, đồng thời chúng tôi vẫn có phát sinh giao dịch trong năm 2019 với các đơn vị mà còn tồn số dư công nợ. Các khoản công nợ này sẽ được chúng tôi thu hồi trong năm 2019. Do đó, chúng tôi xét thấy chưa cần phải trích lập dự phòng bổ sung.

* Liên quan đến nghĩa vụ phải trả các nhà cung cấp và các khoản nợ lãi vay quá hạn đã được chúng tôi xem xét và làm việc với các bên có liên quan để có thể giãn tiến độ thanh toán. Đồng thời, chúng tôi cũng đang tích cực trong việc bố trí nguồn vốn để thực hiện trả dần các khoản nợ. Chúng tôi tin rằng, với nỗ lực trong sản xuất kinh doanh

và trong đàm phán với các nhà cung cấp cũng như các ngân hàng thì chúng tôi sẽ không bị lâm vào tình trạng mất khả năng hoạt động liên tục do chậm thanh toán.

* Chúng tôi đã thực hiện gửi thư xác nhận theo yêu cầu của kiểm toán đối với toàn bộ các khoản công nợ phải thu, phải trả, các khoản đầu tư. Chúng tôi cam kết các khoản nợ phải thu, nợ phải trả trình bày trên Báo cáo tài chính phản ánh đúng quyền lợi và nghĩa vụ của khách hàng và các nhà cung cấp.

* Chúng tôi nhận thấy tại thời điểm 31/12/2019, Báo cáo tài chính của Công ty đang phản ánh tổng số nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là: 423.117 tỷ đồng, lỗ lũy kế đến 31/12/2019 là 271.618 tỷ đồng vượt quá vốn đầu tư của chủ sở hữu. Tuy nhiên, do hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn sẽ tiếp tục tăng trưởng trong thời gian tới với các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh. Do vậy, Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019 vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

II. Báo cáo tài chính văn phòng Công ty:

1. Giải trình điều chỉnh hồi tố BCTC năm 2018:

Chỉ tiêu	Năm 2018 (điều chỉnh)	Năm 2018	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	250.919	250.919	-	-
Các khoản giảm trừ	3.025	3.025	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	247.894	247.894	-	-
Giá vốn hàng bán	232.147	223.895	8.252	3,69
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	15.747	23.999	(8.252)	(34,38)
Doanh thu hoạt động tài chính	7	7	-	-
Chi phí tài chính	29.118	26.349	2.770	10,51
Chi phí bán hàng	7.864	7.864	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.057	14.057	-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(35.285)	(24.263)	(11.021)	45,42
Thu nhập khác	46	46	-	-
Chi phí khác	277	277	-	-
Lợi nhuận khác	(231)	(231)	-	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(35.515)	(24.494)	(11.021)	45,00
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(35.515)	(24.494)	(11.021)	45,00

- Sau khi kiểm toán BCTC 2019, Công ty đã trích bổ sung phần giá trị khấu hao của Dây chuyền sản xuất Clinker công suất tối đa 1.200 tấn/ ngày (sau khi quyết toán

hoàn thành trong năm 2019) vào giá vốn là: 8.252 triệu đồng. Tiến hành điều chỉnh hồi tố chi phí lỗ do đánh giá lại tỷ giá các khoản nợ có gốc ngoại tệ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 là: 2.770 triệu đồng.

- Vì vậy, lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 điều chỉnh tăng lỗ: 11.021 triệu đồng so với báo cáo Tài chính năm 2018.

2. Giải trình LNST lỗ và chênh lệch năm 2019-2018:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018 (đã điều chỉnh)	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	225.418	250.919	(25.500)	(10,16)
Các khoản giảm trừ	2.413,36	3.025	(611)	(20,22)
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	223.005	247.894	(24.889)	(10,04)
Giá vốn hàng bán	235.833	232.147	3.686	1,59
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	(12.828)	15.747	(28.575)	(181,47)
Doanh thu hoạt động tài chính	131,0	7	124	1.732,73
Chi phí tài chính	28.888,2	29.118	(230)	(0,79)
Chi phí bán hàng	5.472	7.864	(2.391)	(30,41)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.961	14.057	(1.095)	(7,79)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(60.019)	(35.285)	(24.734)	70,10
Thu nhập khác	27	46	(19)	(42,09)
Chi phí khác	4.756	277	4.479	1.618,79
Lợi nhuận khác	(4.729)	(231)	(4.498)	1.950,07
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(64.748)	(35.515)	(29.233)	82,31
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(64.748)	(35.515)	(29.233)	82,31

Lợi nhuận sau thuế năm 2019 của Công ty lỗ 64.748 triệu đồng tăng lỗ 29.233 triệu đồng so với năm 2018(lỗ 35.515 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Do dừng lò để sửa chữa nên dây truyền sản xuất không liên tục (dừng 47 lần với tổng thời gian gần 193 ngày/365 ngày theo lịch bằng 52,99%); do thiếu nguyên liệu và chưa giải phóng xong mặt bằng mỏ đá, công suất dây truyền chỉ đạt 51,88 %.

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ năm 2019 là: 225.418 triệu đồng giảm so với năm 2018 (250.919 triệu đồng) là: 10,16% tương ứng với 25.500 triệu đồng. Sản lượng tiêu thụ của năm 2019 là: 245.037,77 tấn xi măng giảm so với năm 2018 (272.337,53 tấn) là: 10,02 % .Giá vốn hàng bán tăng từ 232.147 triệu đồng của năm 2018 lên 235.833 triệu đồng năm 2019(tăng 1,59 % tương ứng tăng 3.686 triệu đồng). Giá vốn tăng là do trong năm 2019 giá điện tăng 8,3% so với giá điện năm 2018;

giá than bình quân tăng từ 358.167 đồng/ tấn Clinker tại năm 2018 lên 405.503 đồng/ tấn Clinker vào năm 2019 (do Tập đoàn than tăng giá). Từ hai yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của năm 2019 giảm 28.575 triệu đồng.

+ Chi phí bán hàng của năm 2019 là: 5.472 triệu đồng giảm 30,41% tương đương 2.391 triệu đồng so với năm 2018 (7.864 triệu đồng). Chi phí quản lý doanh nghiệp của năm 2019 (12.961 triệu đồng) giảm 1.095 triệu đồng so với năm 2018 (14.057 triệu đồng). Chi phí tài chính tăng 230 triệu đồng. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2019 giảm so với năm 2018 là: 24.734 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác giảm 4.498 triệu đồng, làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2019 giảm 29.233 triệu đồng so với năm 2018.

3. Giải trình về các ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên:

* Chúng tôi đã ghi chép và công bố một cách phù hợp tất cả các khoản nợ phải trả đã phát sinh, tất cả các khoản nợ tiềm tàng và các đảm bảo mà chúng tôi thực hiện với các bên thứ ba.

* Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập đầy đủ cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ mức tổn thất có thể xảy ra theo thời gian quá hạn nợ và đánh giá, ước tính của Ban Tổng giám đốc. Đối với các khoản công nợ đã quá hạn thanh toán, chúng tôi đang tích cực thực hiện các biện pháp thu hồi, đồng thời chúng tôi vẫn có phát sinh giao dịch trong năm 2019 với các đơn vị mà còn tồn số dư công nợ. Các khoản công nợ này sẽ được chúng tôi thu hồi trong năm 2019. Do đó, chúng tôi xét thấy chưa cần phải trích lập dự phòng bổ sung.

* Liên quan đến nghĩa vụ phải trả các nhà cung cấp và các khoản nợ lãi vay quá hạn đã được chúng tôi xem xét và làm việc với các bên có liên quan để có thể giãn tiến độ thanh toán. Đồng thời, chúng tôi cũng đang tích cực trong việc bố trí nguồn vốn để thực hiện trả dần các khoản nợ. Chúng tôi tin rằng, với nỗ lực trong sản xuất kinh doanh và trong đàm phán với các nhà cung cấp cũng như các ngân hàng thì chúng tôi sẽ không bị lâm vào tình trạng mất khả năng hoạt động liên tục do chậm thanh toán.

* Chúng tôi đã thực hiện gửi thư xác nhận theo yêu cầu của kiểm toán đối với toàn bộ các khoản công nợ phải thu, phải trả, các khoản đầu tư. Chúng tôi cam kết các khoản nợ phải thu, nợ phải trả trình bày trên Báo cáo tài chính phản ánh đúng quyền lợi và nghĩa vụ của khách hàng và các nhà cung cấp.

* Chúng tôi nhận thấy tại thời điểm 31/12/2019, Báo cáo tài chính của Công ty đang phản ánh tổng số nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là: 422.812 tỷ đồng, lỗ lũy kế đến 31/12/2019 là 272.478 tỷ đồng vượt quá vốn đầu tư của chủ sở hữu. Tuy nhiên năm 2020, Công ty đã hoàn thiện giải phóng mặt bằng mỏ đá vôi đây là nguồn nguyên liệu chủ yếu trong sản xuất xi măng do vậy hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn sẽ tiếp tục tăng trưởng trong thời gian tới với các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh. Do vậy, Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019 vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Trên đây là giải trình của Công ty CP xi măng Phú Thọ, đề nghị Ủy ban chứng khoán nhà nước; Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xem xét.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT (B/c);
- Ban Kiểm Soát(B/c);
- Lưu VP.

CÔNG TY CP XI MĂNG PHÚ THỌ
CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG
PHÚ THỌ
H. THANH BÀ - T. PHỤ THỌ
M.S. 2600116271-C

CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỐNG GIÁM ĐỐC
Triệu Quang Thuận